

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM...

(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm ...	Số vốn đã thanh toán trong năm...			Tổng số vốn theo kế hoạch còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
A	Số liệu của chủ đầu tư:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						

2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)					
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
B	Số liệu của Kho bạc nơi giao dịch:					
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
	Trong đó chia ra:					
1	Kế hoạch vốn trong năm					
	Vốn trong nước					
	Vốn ngoài nước					
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)					
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:					
	Vốn trong nước					

	Vốn ngoài nước						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
C	Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3):						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Luỹ kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						

Ghi chú : + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN theo quy định (đến hết 31/1 năm sau).

+ Số vốn ứng trước kế hoạch năm sau là số vốn được thanh toán đến 31/1 năm sau.

+ Số vốn kéo dài KH năm trước chuyển sang: (bao gồm số vốn kế hoạch năm thanh toán từ ngày 01/2 đến ngày 30/6 năm sau và số vốn được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài).

+ Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch là tổng số vốn kế hoạch đã phân bổ và vốn đã thanh toán cho dự án đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch.

- Vốn trong nước: là vốn ngân sách nhà nước các cấp trung ương, địa phương.

- Vốn ngoài nước: là vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài.

- Cột 6: vốn tạm ứng theo chế độ còn lại chưa thu hồi đến 31/1 năm sau.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

CHỦ ĐẦU TƯ

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN
VỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm 20...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng
dấu)*

Nguồn: Thông tư 22/2015/TT-BTC